TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HS-PT
Ngày: 20-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Võ Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán:	Ông Phạm Văn Hợp
	Ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến**,** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 549/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Kiều P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2024/HS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Kiều P; Sinh ngày 02/02/1968 tại Đ, Quảng Nam. Nơi cư trú: Tổ H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: Nhà A, chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không, Trình độ học vấn: 8/12, Dân tộc Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T và bà Kiều Thị H (đều đã chết), Có vợ Nguyễn Thị L và có 03 (con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013). Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 01/6/2021 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HSST ngày 01/6/2021).

Bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2023. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Đặng Kiều P: Luật sư Ông Quốc C - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Kiều P bà Nguyễn Thị L (vợ), sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Nhà A, chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bị hại:

1. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số B N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Nguyễn Tiến D sinh năm 1972. Nơi cư trú: P A, chung cư V, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ C, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

4.Ông Huỳnh Kim T2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

5. Bà Trương Thị Thu T3 sinh năm 1985. Nơi cư trú: K đường H, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

6.Ông Phạm Đức D1 sinh năm 1986. Nơi cư trú: P Nhà D, Chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

7. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1990. Nơi cư trú: K đường T, thành phố Đà Nẵng.

8. Bà Thái Thị T4, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

9. Ông Nguyễn Hữu Trịnh T5, sinh năm 1972. Nơi cư trú: H Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

10. Ông Nguyễn Minh T6, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

11. Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1974. Nơi cư trú: K41/13 Đ, tổ C, V, T, thành phố Đà Nẵng.

Đều vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Bích L1. Nơi cư trú: P A, chung cư V, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Lê Văn T8, sinh năm 1977; Nơi cư trú: K đường H, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền sử dụng cá nhân, Đặng Kiều P đưa ra thông tin gian dối về việc có mối quan hệ thân thiết với lãnh đạo thành phố, có khả năng xin cấp đất tái định cư, nhận thầu dự án lớn, xin bố trí cấp chung cư dành cho người có thu nhập thấp theo diện chính sách của Nhà nước để các bị hại tin tưởng giao tiền cho P làm thủ tục rồi chiếm đoạt.

Quá trình điều tra đã xác định, với phương thức thủ đoạn trên, khoảng từ năm 2017 đến năm 2022, Đặng Kiều P đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 11(mười một) bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Lừa đảo chiếm đoạt của bà Ngô Thị B số tiền 1.670.795.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và của ông Nguyễn Tiến D số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 14/8/2003, UBND thành phố Đ có Quyết định thu hồi đất số 21107/QĐ-UB về việc thu hồi thửa đất số 54, tờ bản đồ số 4, diện tích 364,4 m, thuộc phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng của vợ chồng ông Võ Văn M và bà Phan Thị L2 (cùng trú tại A L, thành phố Đà Nẵng) để thực hiện dự án khu đô thị A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2006, UBND thành phố Đ bố trí cho vợ chồng ông M 01(một) lộ đất, diện tích 100 m' tại khu A. Vợ chồng ông M có làm đơn xin UBND thành phố Đ đền bù thêm đất, nhưng không được chấp thuận (theo Quyết định số 7681/QĐ-UBND ngày 8/10/2009). Đến năm 2016, bà Phan Thị L2 đưa hồ sơ giải toả đền bù của lô đất nêu trên cho Ngô Thị B (là chị họ bà L2) để nhờ xin thêm đất đền bù.

Khoảng tháng 10/2017, qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Tiến D, bà B gặp và nhờ Đặng Kiều P. Hai bên thống nhất sau khi được cấp lô đất mới sẽ làm thủ tục chuyển đổi sang lô đất khu C N, quận N, thành phố Đà Nẵng, chuyển đổi từ tên bà Phan Thị L2 sang cho bà Ngô Thị B và vợ ông Nguyễn Tiến D tên là Nguyễn Thị Bích L1 (trú phòng 505, chung cư A V, S, thành phố Đà Nẵng). P nói chi phí là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Từ ngày 25/10/2017 đến ngày 04/6/2018, P nhiều lần yêu cầu đưa tiền để làm thủ tục và nhận của bà

B và ông D tổng cộng 798.200.000 đồng (B1 trăm chín mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng), mỗi lần nhận tiền P3 viết giấy giao cho bà B.

Ngoài ra, từ tháng 3/2018 đến tháng 8/2019, với thủ đoạn trên, Đặng Kiều P hứa hẹn cam kết làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng trọt sang đất ở đối với lô đất diện tích 525 m2 tại tổ A, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, xin mua căn hộ chung cư P và làm thủ tục sang tên các lô đất giải tỏa đền bù cho bà Ngô Thị B để nhận của bà B tổng cộng 1.122.595.000 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Sau khi nhận tiền, P sử dụng tiêu xài cá nhân, không làm các thủ tục như hứa hẹn cũng không trả lại tiền cho bà B, ông D. Tổng cộng, P nhận và chiếm đoạt của bà Ngô Thị B số tiền 1.670.795.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và của ông Nguyễn Tiến D số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Cơ quan điều tra có các Quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-VPCSĐT ngày 21/11/2018 và số 02/QĐ-VP ngày 17/12/2019 trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên các tài liệu thu giữ là các giấy nhận tiền.

- Theo Kết luận giám định số: 173/GĐ-IL ngày 24/12/2018 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A6, A10, A15 và A17 (tại dòng 21) so với chữ ký của Đặng Kiều P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 có phải là do cùng một người ký ra hay không.

+ Chữ viết và chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên các tài liệu cần giám định ký hiệu tự A1 đến A18 (trừ chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên các tài liệu cân giám định ký hiệu Ao, A, A15 và Al7 (tại dòng 21) so với chữ viết và chữ ký của Đặng Kiều P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết và ký ra.

- Theo Kết luận giám định số: 116/GĐ-TL ngày 29/04/2020 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A5, A17, A24, A32, A40, A42, A46, A55 (chữ ký mặt sau), A57, A61, A62, A64 và A65 so với chữ ký của Đặng Kiều P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 có phải là do cùng một người ký ra hay không;

+ Chữ viết, chữ ký (trừ chữ ký tại mục 1 phần V. kết luận về đối tượng giám định) mang tên Đặng Kiều P trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A65 do cùng một người viết và ký ra.

Vụ thứ hai: Lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Quốc T1 số tiền 98.500.000 đồng (Chín mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Khoảng tháng 12/2017, ông Trần Quốc T1 liên hệ P hỏi việc làm thủ tục xin bố trí thêm đất tái định cư ông mua lại của ông Nguyệt T9 (trú tại tổ I, H, C, TP Đà Nẵng), P hứa hẹn làm được với chi phí là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Từ ngày 18/12/2017 đến ngày 26/12/2017, P nhiều lần yêu cầu ông T1 đưa tiền, tổng cộng 98.500.000 đồng (Chín mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Sau nhiều lần P hứa hẹn, viết giấy cam kết nhưng vẫn không làm được thủ tục, ông T1 yêu cầu trả lại tiền nên đến tháng 6/2018, P có nhờ ông Nguyễn Tiến D trả lại cho ông T1 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), còn chiếm đoạt số tiền 58.500.000 đồng (Năm mươi tám năm trăm ngàn đồng).

Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-VPCSĐT ngày 21/11/2018 và số 06/QĐ-VPCSĐT ngày 21/11/2018 trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Đặng Kiều P và Nguyễn Tiến D (người làm chứng) trên các giấy nhận tiền thu giữ.

Tại các Kết luận giám định số: 173/GĐ-TL ngày 24/12/2018 và số 174/GĐ-TL ngày 29/11/2018, của Phòng K1 Công an thành phố Đ, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên mẫu cần giám định ký hiệu A13 và A14 so với chữ viết, chữ ký của Đặng Kiều P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 do cùng một người viết và ký ra.

+ Chữ viết và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết và chữ ký của Nguyễn Tiến D trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M2 do cùng một người viết và ký ra.

Vụ thứ 3: Lừa đảo chiếm đoạt của ông Huỳnh Kim T2 số tiền 1.030.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng)

Khoảng tháng 6/2018, ông Huỳnh Kim T2 liên hệ Đặng Kiều P để hỏi việc làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 (hai) lô đất gồm:

+ 01(một) lô đất trồng cây lâu năm, diện tích 86,5m2 đứng tên Huỳnh Kim T2, tại tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và 01(một) lô đất trồng lúa, diện tích: 942 m2 của ông Huỳnh Đức N (sinh năm: 1954, trú tổ E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng).

P hứa hẹn sẽ làm được và yêu cầu ông T2 đưa tiền để làm thủ tục. Từ ngày 04/6/2018 đến ngày 10/7/2018, ông T2 nhiều lần đưa cho P tổng cộng là 1.030.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng). Quá trình giao nhận tiền, P viết giao cho ông T2 "Giấy thoả thuận" đề ngày 04/6/2018, có nội dung P nhận của ông T2 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) làm thủ tục đổi sổ cho ông T2. Các lần sau, P không viết giấy nên ông T2 ghi âm các cuộc nói chuyện qua điện thoại với P. Số tiền nhận của ông T2, P không sử dụng làm thủ tục chuyển

đổi mục đích sử dụng đất hay làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà sử dụng cá nhân hết, đến nay chưa trả lại cho ông T2.

Cơ quan điều tra có các Quyết định số 05/QĐ-VPCSĐT ngày 24/12/2018 trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký tên Đặng Kiều P trên giấy nhận tiền và số 35/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/12/2018 trưng cầu giám định các nội dung liên quan đến các file ghi âm do ông T2 cung cấp.

- Theo Kết luận giám định số 173/GĐ-TL ngày 24/12/2018 của Phòng K1 Công an T, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên mẫu cần giám định ký hiệu A16 so với chữ viết, chữ ký của Đặng Kiều P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 do cùng một người viết và ký ra.

- Theo kết luận giám định số 7188/C09-P6 ngày 18/4/2019 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C1 kết luận:

+ Không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định.

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng là "Toàn" trong tập tin "1 .lua them 40 trieu boi dung.m4a" và tiếng nói của Đặng Kiều P trong mẫu so sánh không phải là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người đàn ông được gọi là "anh H1" trong tập tin "1. lua them 40 trieu boi dung.m4a" và tiếng nói của Đặng Kiều P trong mẫu so sánh không phải là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người đàn ông được gọi là "anh P" trong tập tin "1.lua them 40 trieu boi dung.m4a" và tiếng nói của Đặng Kiều P có chất lượng kém nên không đủ điều kiện giám định.

+Tiếng nói của người đàn ông xưng là "anh" trong các tập tin: "20180702145640.m4a", "20180630 083630.m4a", "dong y viet giay da nhan 990 trieum4a", "4.doi co viet giay tra tien lai 990 trieu.m4a", "xac nhan viec dua 2 thong bao thue gia m4a" (ký hiệu là "Phong" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Đặng Kiều P trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Nội dung trong các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch ra thành văn bản. Kèm theo kết luận gồm 01(một) Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định (gồm 25 trang giấy A4).

Vụ thứ tư: Lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T7 số tiền 265.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Khoảng tháng 3/2016, ông Nguyễn Văn T7 liên hệ P để nhờ lo thủ tục hồ sơ xin đất giải toả đền bù, mua hồ sơ xin nhận thầu công trình cầu vượt Đ - Nguyễn Tri P1, mua và thuê chung cư. P nói mình quen biết lãnh đạo thành phố nên trong khoảng từ 04(bốn) đến 06 (sáu) tháng sẽ làm xong thủ tục và nhiều lần yêu cầu ông T7 giao tiền.

Quá trình ông T7 giao tiền cho P không có giấy tờ chứng minh, không có người làm chứng. Đến ngày 04/03/2018, P viết và giao cho ông T7 02 (hai) tài liệu gồm: Giấy nhận tiền đề ngày 04/3/2018, có nội dung "P nhận của ông T7 số tiền 265.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng), hẹn trong thời gian 3 tuần kể từ ngày viết giấy sẽ trả lại đủ số tiền còn lại cho anh T7 đã gửi là 195.000.000 đồng (Tôi nhận 265.000.000 đồng, đã trả 195.000.000 đồng, còn 70.000.000 đồng)" và Giấy cam kết đề ngày 04/3/2018 có nội dung P cam kết trả số tiền còn lại. Ông T7 tố cáo P chiếm đoạt tổng cộng 1.762.200.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, P không thừa nhận nội dung này nên chỉ có cơ sở kết luận P chiếm đoạt của ông T7 265.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng). P đã trả lại được 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng), còn chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu giám định số 19/QĐ-CSHS ngày 03/01/2024 trưng cầu giám định các Giấy nhận tiền và Giấy cam kết thu giữ. Theo Kết luận giám định Số: 119/KL-KTHS, ngày 29/01/2024 của Phòng K1 Công an thành phố Đ, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Đặng Kiều P trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A3 (trừ chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A3) so với chữ viết, chữ ký của Đặng Kiều P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 do cùng một người viết và ký ra.

Vụ thứ năm: Lừa đảo chiếm đoạt của bà Trương Thị Thu T3 số tiền 148.050.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Khoảng tháng 8/2019, do có nhu cầu xin căn hộ chung cư nhà ở xã hội, thông qua giới thiệu của người tên L3 (không rõ lai lịch), bà Trương Thị Thu T3 liên hệ Đặng Kiều P để hỏi thủ tục. P giới thiệu có mối quan hệ với lãnh đạo thành phố, có khả năng xin được và yêu cầu bà T3 đưa tiền làm thủ tục.

Từ tháng 8/2019 đến tháng 9/2019, theo yêu cầu của P, bà T3 đưa cho P với tổng cộng 148.050.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Bà T3 khai P có đưa cho bà T3 xem một tờ Thông báo số 16/201 ngày 18/12/2019 "Về việc bố trí chung cư 2019- 2020" của Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng, trong đó có tên ông Lê Văn T8 (là chồng bà T3

) tại ví trí số 17 trong danh sách những người được bố trí Chung cư quý I năm 2020, này. Ngày 01/3/2020, bà T3 đến Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng để nhận căn hộ thì biết tờ Thông báo này là giả nên gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Đến nay, P không làm thủ tục xin căn hộ chung cư cho bà T3 cũng chưa trả lại số tiến chiếm đoạt.

Cơ quan điều tra có Quyết định số 27/ĐTTH ngày 05/02/2021 trưng cầu giám định các file ghi âm.

Theo Kết luận giám định số: 204/C09C-Đ2 ngày 31/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định; Tiếng nói của người nói giọng nam được gọi là "anh" (ký hiệu 'Phong") trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Đặng Kiều P trong mẫu so sánh là của cùng một người; Nội dung các file âm thanh mẫu cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản. Kèm theo Kết luận giám định là 01(một) bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định gồm 77 trang A4.

Vụ thứ sáu: Lừa đảo chiếm đoạt của ông Phạm Đức D1, bà Nguyễn Thị K và bà Thái Thị T4 mỗi người số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Khoảng tháng 11/2019, ông Phạm Đức D1, bà Nguyễn Thị K và bà Thái Thị T4 có nhu cầu xin được bố trí căn hộ chung cư nhà ở xã hội nên liên hệ Đặng Kiều P để hỏi thủ tục. P giới thiệu có mối quan hệ với lãnh đạo thành phố, có khả năng xin được và yêu cầu ông D1, bà K và bà T4 đưa tiền làm thủ tục.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2019, theo yêu cầu của P, ông D1, bà K và bà T4 nhiều lần đưa tiền cho P, tổng cộng mỗi người 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng). Ông D1, bà K và bà T4 khai P có cho xem một tờ Thông báo số 16/201 ngày 18/12/2019 "về việc bố trí chung cư 2019 - 2020" của Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng, trong đó có tên của những người này được bố trí Chung cư quý I năm 2020, đúng 8 giờ 30 phút ngày 01/3/2020 đến nhận căn hộ, nhưng P không thừa nhận nội dung này. Ngày 01/3/2020, ông D1, bà K và bà T4 đến Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng để nhận căn hộ thì biết tờ Thông báo này là giả nên gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Đến nay, P không làm thủ tục xin căn hộ chung cư cho ông D1, bà K và bà T4, cũng chưa trả lại số tiền chiếm đoạt.

Vụ thứ bảy: Lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu Trịnh T5 số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Vào khoảng tháng 6/2019, ông Nguyễn Hữu Trịnh T5 có nhu cầu xin được bố trí căn hộ chung cư nhà ở xã hội nên liên hệ Đặng Kiều P để hỏi thủ tục. P giới

thiệu có mối quan hệ với lãnh đạo thành phố, có khả năng xin được và yêu cầu ông T5 đưa tiền và giấy tờ cá nhân để làm thủ tục.

Ông T5 tin tưởng nên giao tiền cho P. Sau nhiều lần, giao tiền, ngày 15/6/2019, ông T5 yêu cầu P xác nhận vào giấy nhận tiền có nội dung P nhận của ông T5 tổng cộng 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) để lo chung cư.

Ông T5 khai P có cho xem tờ Thông báo số 16/201 ngày 18/12/2019 về việc bố trí chung cư 2019 - 2020 của Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng có tên ông T5 tại vị trí số 13 trong danh sách những người được bố trí Chung cư quý I năm 2020, hẹn 8 giờ 30 ngày 01/3/2020 đến nhận căn hộ chung cư nhưng P không thừa nhận nội dung này. Đến nay, P không làm thủ tục xin căn hộ chung cư cho ông T5 cũng chưa trả lại số tiền chiếm đoạt.

Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu giám định số 06/ĐTTH ngày 07/01/2021 trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên giấy nhận tiền thu giữ.

Theo Kết luận giám định số: 06/GĐ-TL, ngày 14/01/2021 của Phòng K1 Công an thành phố Đ, kết luận: Chữ viết có nội dung "Tôi đã nhận đủ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Đặng Kiều P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

Vụ thứ tám: Lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T6 số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Khoảng tháng 9/2022, Ông Nguyễn Minh T6 gặp Đặng Kiều P và được P giới thiệu là người nhà của lãnh đạo thành phố nên có khả năng xin mua được chung cư giá rẻ và làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T6 tin tưởng nên thỏa thuận thống nhất để P làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu T - Khu Cảnh sát cơ động số 1 và thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và mua 04 (bốn) căn chung cư cho ông T6. Sau khi thỏa thuận, từ ngày 14/9/2022 đến ngày 16/9/2022, P đưa ra nhiều lý do để yêu cầu ông T6 đưa tiền, qua đó nhận và chiếm đoạt của ông T6 tổng cộng 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Cơ quan điều tra có các Quyết định trưng cầu giám định số 120/QĐ-ĐTTH ngày 05/7/2023 giám định file âm thanh và số 19/QĐ-CSHS ngày 03/12/2024 trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Đặng Kiều P trên tài liệu thu giữ.

- Theo Kết luận giám định số 119/KL-KTHS, ngày 29/01/2024 của Phòng K1 Công an T, kết luận: Chữ viết mang tên Đặng Kiều P trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết của Đặng Kiều P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 do cùng một người viết ra.

- Theo Kết luận giám định số: 1433/KL-KTHS ngày 30/10/2023 của Phân viện KHHS tại TP Đà Nẵng kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định; Tiếng nói của người đàn ông (ký hiệu "Phong" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong các file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Đặng Kiều P trong mẫu so sánh là của cùng một người; Nội dung các cuộc nói chuyện trong các file ghi âm mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản. Kèm theo Kết luận giám định là 01(một) bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định (gồm 31 trang giấy khổ A4).

Qua xác minh, Trung tâm Q không phát hành Thông báo số 16/201 ngày 18/12/2019. Ngày 07/02/2020, Trung tâm Q có văn bản số 201/TTQLKTN-QLN gửi Đài Phát thanh truyền hình Đ, B và Báo Công an thành phố Đ để thông báo nội dung Thông báo số 16/201 về việc bố trí chung cư 2019 - 2020 cho 25 trường hợp được UBND thành phố thành phố Đ bố trí chung cư quý I năm 2020 tại các khu chung cư A, C, P, V, H và Thuận P2 là giả mạo.

Tổng cộng, Đặng Kiều P đưa ra thông tin gian dối để nhận và chiếm đoạt của 11 người bị hại tổng cộng 4.160.345.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) đã trả lại được 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng), còn chiếm đoạt 3.925.345.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra, bị can Đặng Kiều P trình bày trước đây có bị tai biến gây ra liệt nửa người bên phải và mắc bệnh động kinh có thăm khám và điều trị tại Bệnh viện T10, quá trình bị tạm giam bị can thường xuyên bị động kinh, hiện mắt chỉ thấy lờ mờ. Qua yêu cầu Cơ quan điều tra thu thập tài liệu, gia đình bị can cung cấp "Giấy hẹn khám lại" số 230006161 ngày 25/5/2023 của Bệnh viện Tâm thần thành phố T10, chẩn đoán bệnh nhận Đặng Kiều P: G40 - Động Kinh. Ngày 21/12/2023, Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Đà Nẵng có công văn số 30/ VKS-P2 gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ yêu cầu trưng cầu giám định xác định tình trạng tâm thần của bị can.

Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu giám định số 478/QĐ-CSHS ngày 28/02/2024 trưng cầu Trung tâm P4 giám định tình trạng tâm thần, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Đặng Kiều P.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 423/KLGĐ, ngày 15/3/2024 của trung tâm P4, kết luận: Thời gian trước thời điểm gây án, tại thời điểm gây ấn và thời điểm hiện tại:

- Kết luận về y học: Động kinh hỗn hợp có biến đổi trí năng, nhân cách sau Chấn thương sọ não (G40).

- Kết luận về khả nặng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2024/HS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Bị cáo Đặng Kiều P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt: bị cáo Đặng Kiều P 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 06/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2024, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hoãn thi hành án do đang bị bệnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Ông Quốc C bào chữa cho bị cáo: đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và do bị cáo đang bị bệnh, tình trạng ngày càng nặng và mới ra viện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị: hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/9/2024, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hoãn thi hành án do đang bị bệnh. Kháng cáo của bị cáo đảm bảo còn trong thời hạn luật định, đúng hình thức theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, một số bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, kết thúc phần xét hỏi bị cáo Đặng Kiều P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng. Xem xét lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa cùng lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Đặng Kiều P là đối tượng không có công việc ổn định, đồng thời không phải là người có chức năng nhiệm vụ trong các cơ quan tổ chức có thẩm quyền trong việc xét cấp đất tái định cư, bố trí cấp nhà chung cư dành cho người có thu nhập thấp theo diện chính sách do UBND thành phố Đ quy định, song với mục đích có tiền sử dụng chi tiêu cá nhân, bị cáo tự đưa ra thông tin gian dối về việc có mối quan hệ thân thiết với lãnh đạo thành phố, có khả năng xin cấp đất tái định cư, nhận thầu dự án lớn, xin bố trí cấp nhà chung cư dành cho người có thu nhập thấp theo diện chính sách của Nhà nước đối với những người bị hại có hoàn cảnh khó khăn, khi có nhu cầu xin chung cư nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, qua đó làm cho các người bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo để làm thủ tục rồi chiếm đoạt, với phương thức, thủ đoạn trên trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2022, bị cáo Đặng Kiều P đã thực hiện hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 11 người bị hại gồm: bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Tiến D, ông Trần Quốc T1, ông Huỳnh Kim T2, Bà Trương Thị Thu T3, ông Phạm Đức D1, bà Nguyễn Thị K, Bà Thái Thị T4, ông Nguyễn Hữu Trịnh T5, ông Nguyễn Minh T6, và ông Nguyễn Văn T7 với tổng số tiền chiếm đoạt là: 4.160.345.000đ (Bốn tỷ, một trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), đã trả lại số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng), số tiền còn lại 3.925.345.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) bị cáo chiếm đoạt tiêu xài cho mục đích cá nhân.

[2.2]. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố, xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy rằng:

[3.1]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của các bị hại với số tiền lớn. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HSST ngày 01/6/2021 nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm; ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, tuy bị cáo khai báo còn chưa thành khẩn, nhưng

tỏ ra ăn năn hối cải, đã bồi thường lại cho bị hại một phần số tiền đã chiếm đoạt; mặt khác, bị cáo là người bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Xét, bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm cũng đã thành khẩn nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định, hơn nữa tình trạng bệnh tật của bị cáo ngày càng nặng hơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ phần hình phạt là phù hợp, thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

[3.2]. Đối với đề nghị hoãn thi hành án để chữa bệnh của bị cáo với lý do: bị bệnh động kinh, đái đường, nhồi máu não, tai biến liệt nữa người. Xét, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm nên không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đặng Kiều P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Kiều P và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2024/HS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Kiều P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đặng Kiều P: 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 06/6/2023.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đặng Kiều P không phải nộp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung